

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Việc làm; Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;*

*Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-LĐTBXH ngày 30/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 22/TTr-SLĐTBXH ngày 12/4/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Việc làm; Bảo

trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện:

1. Công khai thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện quy trình điện tử của thủ tục hành chính và công khai đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: [dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: [dichvucong.tuyenquang.gov.vn](http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Bưu điện tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKSMai.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC VIỆC LÀM, LĨNH VỰC  
BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH LĨNH VỰC VIỆC  
LÀM (02 thủ tục)**

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
1.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (số TTHC: 1.011546)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó: 10 ngày và 05 ngày làm việc)	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	x		Một phần
2.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm,	15 ngày kể từ ngày	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013;	x		Một phần

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
	duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh (số TTHC: 1.011547)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (trong đó: 10 ngày và 05 ngày làm việc)	hiện dự án (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</li> </ul>			

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN LĨNH VỰC VIỆC LÀM (02 thủ tục)**

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (số TTHC: 1.011548)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	x		Một phần
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh (số TTHC: 1.011550)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án (Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội)	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015; - Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022.	x		Một phần

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (07 thủ tục)**

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (04 thủ tục)</b>							
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (số TTHC: 1.011606)	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Bộ phận Một của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.</p> <p>- Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021.</p>	x	x	Một phần

S T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Nộp trực tiếp	Dịch vụ BCCI	Trực tuyến
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (số TTHC: 1.011607)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.	x	x	Một phần
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (số TTHC: 1.011608)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.	x	x	Một phần
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (số TTHC: 1.011609)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Cư trú; - Luật Bảo hiểm y tế; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022.	x	x	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản QPPL quy định bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
<b>II</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (03 thủ tục)</b>			
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm (số TTHC: 1.000506)	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thủ tục được công bố tại số thứ tự số 5, mục I, phần C tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm (số TTHC: 1.000489)	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thủ tục được công bố tại số thứ tự số 6, mục I, phần C tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (số TTHC: 1.000602)	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	Ủy ban nhân dân cấp xã	Thủ tục được công bố tại số thứ tự số 7, mục I, phần C tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.